

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GDQPAN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03/3/2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trung tâm Giáo dục quốc phòng Tây Nguyên, trực thuộc Trường Đại học Tây Nguyên; Quyết định số 433/QĐ-BGDĐT ngày 15/02/2017 về việc đổi tên Trung tâm Giáo dục quốc phòng Tây Nguyên thành Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQPAN) Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BGD&ĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2107/QĐ-ĐHTN ngày 23/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Theo đề nghị của Ông Phụ trách ban Đào tạo và quản lý sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh cho 228 sinh viên Lớp, Kế toán K21B, GD Thể chất K22, GD Mầm non K22, GD Thể chất K20, GD Tiểu học Jrai K22, GD Tiểu học K22, SP Ngữ Văn K22, Văn học K22, YK14A1- K187 – Học kỳ I - Năm học 2023 - 2024, thuộc các Khoa: Sư phạm, Kinh tế, Khoa Y Dược - Trường Đại học Tây Nguyên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trung tâm GDQPAN; các Khoa: Sư phạm, Kinh tế, Khoa Y Dược và những sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Hiệu trưởng;
- Lưu VT.



TS. Nguyễn Thanh Trúc

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ GDQPAN CÁC LỚP KHÓA 187
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN - HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2023 – 2024
 (Ban hành kèm theo Quyết định số: 210 /QĐ-GDQPAN ngày 15 tháng 12 năm 2023)

Stt	Lớp	Số lượng	Khoa	Ghi chú
1	Kế toán K21B	1	Khoa Kinh tế	Cấp Bổ sung
2	GD Thể chất K22	31	Khoa Sư Phạm	
3	GD Mầm non K22	63		
4	GD Thể chất K20	2		
5	GD Tiểu học Jrai K22	23		
6	GD Tiểu học K22	52		
7	SP Ngữ Văn K22	36		
8	Văn học K22	19		
9	YK14A1	1	Khoa Y Dược	
	TỔNG	228		



DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ GDQP AN KHÓA 187
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN - HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2023 - 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 210 /QĐ-GDQPAN ngày 15 tháng 12 năm 2023)

TT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Dân tộc	TBC	XL	Lớp
1	21403263	Trịnh Thị Phương	Thảo	29/3/2003	Kế toán	Kinh	5.5	Trung bình	Kế toán K21B
1	22605006	Nguyễn Thọ	Hoàng	14/05/2001	GD Thể Chất	Kinh	8.0	Giỏi	GD Thể Chất K22
2	22605038	Nguyễn Thiện	Trang	05/04/1991	GD Thể Chất	Kinh	8.9	Giỏi	GD Thể Chất K22
3	22605018	Nguyễn Thị	Thùy	02/08/2004	GD Thể Chất	Kinh	8.1	Giỏi	GD Thể Chất K22
4	22605024	Adrong H'	Vít	05/01/2003	GD Thể Chất	Ê-đê	8.0	Giỏi	GD Thể Chất K22
5	22605032	Nguyễn Mỹ	Lệ	08/10/2002	GD Thể Chất	Kinh	8.1	Giỏi	GD Thể Chất K22
6	22605036	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	27/05/2003	GD Thể Chất	Kinh	8.2	Giỏi	GD Thể Chất K22
7	22605039	Võ Thị Hồng	Tuyết	11/08/2000	GD Thể Chất	Kinh	8.6	Giỏi	GD Thể Chất K22
8	22605003	Y Tri	Êban	01/01/2004	GD Thể Chất	Ê-đê	7.8	Khá	GD Thể Chất K22
9	22605007	Nguyễn Duy	Hòa	18/08/2004	GD Thể Chất	Kinh	7.6	Khá	GD Thể Chất K22
10	22605008	Nguyễn Văn	Lợi	02/12/2003	GD Thể Chất	Kinh	7.1	Khá	GD Thể Chất K22
11	22605014	Kon Sa Ha	Phúc	29/09/2004	GD Thể Chất	Cil	7.3	Khá	GD Thể Chất K22
12	22605025		Byêu	06/01/2004	GD Thể Chất	Ba-na	7.7	Khá	GD Thể Chất K22
13	22605031	Ksor	Đăm	15/11/2003	GD Thể Chất	Jrai	7.2	Khá	GD Thể Chất K22
14	22605034	Cao Anh	Thái	24/06/2004	GD Thể Chất	Kinh	7.4	Khá	GD Thể Chất K22
15	22605037	Trần Công	Tiến	28/07/2004	GD Thể Chất	Kinh	7.1	Khá	GD Thể Chất K22
16	22605002	H Zu	Êban	13/01/2004	GD Thể Chất	Ê-đê	7.9	Khá	GD Thể Chất K22
17	22605004	Võ Hân	Hân	05/01/2004	GD Thể Chất	Kinh	7.5	Khá	GD Thể Chất K22
18	22605010	Cill Pam	Miju	08/10/2004	GD Thể Chất	Cil	7.5	Khá	GD Thể Chất K22
19	22605011	Lê Thị Minh	Nguyệt	27/04/2004	GD Thể Chất	Kinh	7.7	Khá	GD Thể Chất K22
20	22605012	Võ Ngọc Anh	Như	25/05/2004	GD Thể Chất	Kinh	7.9	Khá	GD Thể Chất K22
21	22605020	Nguyễn Thị	Tinh	20/08/2004	GD Thể Chất	Kinh	7.3	Khá	GD Thể Chất K22
22	22605022	Võ Trân	Trân	05/01/2004	GD Thể Chất	Kinh	7.4	Khá	GD Thể Chất K22
23	22605023	Kon Sơ	Vân	01/03/2004	GD Thể Chất	Cil	7.6	Khá	GD Thể Chất K22
24	22605001	Siu	Công	02/01/2001	GD Thể Chất	Jrai	6.8	Trung bình	GD Thể Chất K22
25	22605005	Kpă	Hem	26/07/2004	GD Thể Chất	Jrai	6.6	Trung bình	GD Thể Chất K22
26	22605013	Lê Ngọc	Phong	09/03/2004	GD Thể Chất	Kinh	6.6	Trung bình	GD Thể Chất K22
27	22605016	Rcom	Thi	27/03/2004	GD Thể Chất	Jrai	6.5	Trung bình	GD Thể Chất K22
28	22605019	Bùi Thanh	Tiến	16/10/2003	GD Thể Chất	Kinh	6.2	Trung bình	GD Thể Chất K22
29	22605021	Kpă Y	Tram	09/12/2003	GD Thể Chất	Ê-đê	6.4	Trung bình	GD Thể Chất K22
30	22605028	Y Hên	Bkrông	26/08/2002	GD Thể Chất	Mnông	6.5	Trung bình	GD Thể Chất K22
31	22605029	Y Phai	Bkrông	03/04/2003	GD Thể Chất	Ê-đê	6.1	Trung bình	GD Thể Chất K22
1	22903011	Thị	Diệu	08/03/2004	GD Mầm non	Mnông	8.2	Giỏi	GDMN K22
2	22903012	H' Lỗ	Du	27/03/2001	GD Mầm non	Mnông	8.2	Giỏi	GDMN K22
3	22903003	R' Ô	Bera	28/01/2004	GD Mầm non	Jrai	7.7	Khá	GDMN K22
4	22903004	H Lich	Bkrông	20/04/2004	GD Mầm non	Ê-đê	7.1	Khá	GDMN K22
5	22903005	H' Mung	Byă	26/09/2004	GD Mầm non	Ê-đê	7.1	Khá	GDMN K22
6	22903008	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	26/03/2004	GD Mầm non	Kinh	7.4	Khá	GDMN K22
7	22903010	Ksor H'	Diệu	19/10/2004	GD Mầm non	Gia-rai	7.5	Khá	GDMN K22
8	22903014	H' Ngăk	Êñuôl	09/07/2004	GD Mầm non	Ê-đê	7.2	Khá	GDMN K22
9	22903016	H	Gái-hmők	23/11/2004	GD Mầm non	Mnông	7.0	Khá	GDMN K22
10	22903022	Phạm Thị Hải	Hậu	16/05/2004	GD Mầm non	Kinh	7.5	Khá	GDMN K22
11	22903023	H'	Hiên	17/08/2002	GD Mầm non	Mnông	7.4	Khá	GDMN K22
12	22903029	H' Hương	Ja	16/06/2004	GD Mầm non	Mnông	7.0	Khá	GDMN K22
13	22903031	Rah Lan H' Minh	Khuê	10/02/2003	GD Mầm non	Gia-rai	7.0	Khá	GDMN K22
14	22903032	Ksor H'	Khuyên	21/03/2004	GD Mầm non	Gia-rai	7.2	Khá	GDMN K22
15	22903034	Võ Thị Nhật	Linh	20/10/2004	GD Mầm non	Kinh	7.3	Khá	GDMN K22
16	22903036	Nay H'	Ly	29/08/2004	GD Mầm non	Gia-rai	7.9	Khá	GDMN K22
17	22903037	H' Kim Tha	Mlô	15/06/2004	GD Mầm non	Ê-đê	7.4	Khá	GDMN K22
18	22903041	Lê Trà	My	24/09/2004	GD Mầm non	Tày	7.6	Khá	GDMN K22
19	22903043	Phạm Thị	Na	18/03/2001	GD Mầm non	Kinh	7.6	Khá	GDMN K22
20	22903044	H. Blem	Ndu	31/01/2003	GD Mầm non	Mnông	7.0	Khá	GDMN K22
21	22903045	H -	Nghiêu	22/03/2004	GD Mầm non	Mnông	7.3	Khá	GDMN K22

22	22903046	Phạm Thị Bích	Ngọc	18/12/2004	GD Mầm non	Kinh	7.0	Khá	GDMN K22
23	22903051	Ksor H'	Nhuên	10/01/2003	GD Mầm non	Jrai	7.3	Khá	GDMN K22
24	22903052	Đinh Thị	Nhung	10/04/2004	GD Mầm non	Mường	7.1	Khá	GDMN K22
25	22903054	H' Diệp	Niê	25/05/2004	GD Mầm non	Ê-đê	7.3	Khá	GDMN K22
26	22903055	H Duól	Niê	26/06/2004	GD Mầm non	Ê-đê	7.3	Khá	GDMN K22
27	22903057	H Nhung	Niê	17/08/2004	GD Mầm non	Ê-đê	7.4	Khá	GDMN K22
28	22903061	Y -	Nữ	10/06/2004	GD Mầm non	Ba-na	7.1	Khá	GDMN K22
29	22903063	H Rina	Ông	18/04/2003	GD Mầm non	Mnông	7.7	Khá	GDMN K22
30	22903074	Phan Thị Xuân	Thương	06/04/2004	GD Mầm non	Kinh	7.4	Khá	GDMN K22
31	22903075	Thái Thị	Thương	02/08/2004	GD Mầm non	Kinh	7.6	Khá	GDMN K22
32	22903076	Vũ Thị Ánh	Thương	18/11/2004	GD Mầm non	Kinh	7.4	Khá	GDMN K22
33	22903082	Hoàng Thị Cẩm	Vân	02/01/2004	GD Mầm non	Tày	7.4	Khá	GDMN K22
34	22903088	Rah Lan H'	Dê	10/04/2004	GD Mầm non	Jrai	7.3	Khá	GDMN K22
35	22903092	Y	Lộc	29/08/2004	GD Mầm non	Gia-rai	7.5	Khá	GDMN K22
36	22903001	Nguyễn Hoàng Bảo	An	26/11/2004	GD Mầm non	Kinh	6.8	Trung bình	GDMN K22
37	22903006	H Thiệp	Byă	18/05/2004	GD Mầm non	Ê-đê	6.9	Trung bình	GDMN K22
38	22903007	Triệu Thị	Châm	11/08/2003	GD Mầm non	Tày	6.0	Trung bình	GDMN K22
39	22903018	Vi Thị Hương	Giang	13/10/2004	GD Mầm non	Thái	6.5	Trung bình	GDMN K22
40	22903019	Ksor H'	Grin	14/10/2003	GD Mầm non	Gia-rai	6.6	Trung bình	GDMN K22
41	22903020	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/10/2004	GD Mầm non	Kinh	6.5	Trung bình	GDMN K22
42	22903021	Tạ Thị Thu	Hằng	03/07/2004	GD Mầm non	Mường	6.5	Trung bình	GDMN K22
43	22903024	Hoàng Thị	Hiệp	22/06/2004	GD Mầm non	Nùng	6.6	Trung bình	GDMN K22
44	22903026	Nguyễn Thị	Hòa	12/01/2004	GD Mầm non	Kinh	6.3	Trung bình	GDMN K22
45	22903027	Nay H'	Huế	29/02/2004	GD Mầm non	Gia-rai	6.2	Trung bình	GDMN K22
46	22903028	Đinh Thị Thu	Huyền	02/01/2004	GD Mầm non	Kinh	6.0	Trung bình	GDMN K22
47	22903030	Thị	Khê	14/07/2004	GD Mầm non	Mnông	6.9	Trung bình	GDMN K22
48	22903035	Trần Thị Cẩm	Lụa	19/03/2004	GD Mầm non	Kinh	6.7	Trung bình	GDMN K22
49	22903038	H Ráp	Mlô	14/04/2004	GD Mầm non	Ê-đê	6.8	Trung bình	GDMN K22
50	22903040	Siu H'	Mrung	07/03/2004	GD Mầm non	Gia-rai	6.5	Trung bình	GDMN K22
51	22903059	Ksor H'	Núu	20/10/2004	GD Mầm non	Gia-rai	6.9	Trung bình	GDMN K22
52	22903066	H Pen	Sô	01/05/2004	GD Mầm non	Xơ - Đăng	6.3	Trung bình	GDMN K22
53	22903067	Tạ Vy	Thảo	22/09/2003	GD Mầm non	Kinh	6.7	Trung bình	GDMN K22
54	22903070	Đỗ Thị	Thủy	19/10/2004	GD Mầm non	Kinh	6.5	Trung bình	GDMN K22
55	22903071	Mai Thị Cẩm	Thúy	11/01/2004	GD Mầm non	Kinh	6.7	Trung bình	GDMN K22
56	22903072	Hồ Thị Thu	Thùy	08/06/2004	GD Mầm non	Kinh	6.6	Trung bình	GDMN K22
57	22903079	Lê Thị Thu	Trang	23/12/2004	GD Mầm non	Kinh	6.7	Trung bình	GDMN K22
58	22903086	Ksor H'	Yên	08/11/2004	GD Mầm non	Jrai	6.7	Trung bình	GDMN K22
59	22903090	H Oanh	Hmok	07/07/2004	GD Mầm non	Ê-đê	6.7	Trung bình	GDMN K22
60	22903091	Y Sy	Lìn	22/10/2004	GD Mầm non	Ba-na	6.9	Trung bình	GDMN K22
61	22903094	H Trần	Mlô	03/11/2004	GD Mầm non	Ê-đê	6.6	Trung bình	GDMN K22
62	22903096	H Niêm	Niê	27/02/2004	GD Mầm non	Ê-đê	6.6	Trung bình	GDMN K22
63	22903097	Ka	Thời	29/01/2004	GD Mầm non	K' ho	6.2	Trung bình	GDMN K22
1	20605047	Lơ Mu Ê Xê	Chia	24/09/2002	GD Thẻ Chất	Chil	7.4	Khá	GDTC K20
2	20605004	Y Chuyên	Byă	02/11/2002	GD Thẻ Chất	Ê đê	6.9	Trung bình	GDTC K20
1	22902004	Phan Thị Minh	Châu	05/01/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	8.0	Giỏi	GDTH Jrai K22
2	22902022	Vũ Văn	Thắng	22/07/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	7.4	Khá	GDTH Jrai K22
3	22902001	Hoàng Trâm	Anh	10/01/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	7.6	Khá	GDTH Jrai K22
4	22902002	Li Xa	Ber	20/03/2004	GD Tiểu học Jrai	Xơ-đăng	7.1	Khá	GDTH Jrai K22
5	22902003	H' Ánh	Bkrông	02/03/2004	GD Tiểu học Jrai	M' nông	7.0	Khá	GDTH Jrai K22
6	22902009	H San Ly	Êban	29/07/2004	GD Tiểu học Jrai	Ê-đê	7.1	Khá	GDTH Jrai K22
7	22902010	Đỗ Hương	Giang	30/04/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	7.4	Khá	GDTH Jrai K22
8	22902011	Võ Thị Thu	Hà	10/01/2002	GD Tiểu học Jrai	Kinh	7.7	Khá	GDTH Jrai K22
9	22902013	Nguyễn Thị	Hòa	06/06/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	7.0	Khá	GDTH Jrai K22
10	22902017	Trần Đặng Phương	Nhi	29/05/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	7.5	Khá	GDTH Jrai K22
11	22902020	Lê Thị	Phuong	06/01/2004	GD Tiểu học Jrai	Thái	7.2	Khá	GDTH Jrai K22
12	22902023	Lê Trịnh Hồng	Thuận	22/11/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	7.0	Khá	GDTH Jrai K22
13	22902029	Sùng Thị	Xe	01/06/2004	GD Tiểu học Jrai	Hmông	7.0	Khá	GDTH Jrai K22
14	22902005	Lục Thị Bích	Diệp	14/08/2004	GD Tiểu học Jrai	Tày	6.7	Trung bình	GDTH Jrai K22
15	22902007	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	28/02/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	6.9	Trung bình	GDTH Jrai K22

16	22902012	H' Sa La Mi -	Hmők	29/10/2004	GD Tiểu học Jrai	Ê-đê	6.6	Trung bình	GDTH Jrai K22
17	22902018	Nguyễn Ngọc Vy	Oanh	19/09/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	6.8	Trung bình	GDTH Jrai K22
18	22902019	Đào Thị	Phương	16/04/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	6.6	Trung bình	GDTH Jrai K22
19	22902021	Thị -	Phượng	10/08/2004	GD Tiểu học Jrai	M' nông	6.5	Trung bình	GDTH Jrai K22
20	22902024	Nguyễn Thị	Thùy	04/09/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	6.8	Trung bình	GDTH Jrai K22
21	22902026	Lê Ngọc Phương	Trinh	02/09/2004	GD Tiểu học Jrai	Kinh	6.7	Trung bình	GDTH Jrai K22
22	22902030	Trần Thị Thu	Yên	26/05/2003	GD Tiểu học Jrai	Kinh	6.6	Trung bình	GDTH Jrai K22
23	17304024	Ai	Mường	01/04/1998	GD Tiểu học Jrai	Bru-Vân Kiều	6.5	Trung bình	GDTH Jrai K22
1	22901044	Siu	Sang	30/04/2004	GD Tiểu học	Gia-rai	8.0	Giỏi	GDTH K22
2	22901055	Nguyễn Lê Tổ	Uyên	24/10/2004	GD Tiểu học	Kinh	8.2	Giỏi	GDTH K22
3	22901007	Nguyễn Thị Hoàng	Diệp	09/09/2004	GD Tiểu học	Kinh	8.3	Giỏi	GDTH K22
4	22901031	Thị	Ngoanh	23/03/2004	GD Tiểu học	Mnông	8.0	Giỏi	GDTH K22
5	22901036	Rơ Lan	Nhung	22/11/2004	GD Tiểu học	Jrai	8.2	Giỏi	GDTH K22
6	22901046	H- Vong	Srūk	29/01/2004	GD Tiểu học	M' Nông	7.8	Khá	GDTH K22
7	22901047	Trần Phương	Thanh	20/12/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.3	Khá	GDTH K22
8	22901048	Hồ Diệu	Thúy	13/07/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.2	Khá	GDTH K22
9	22901049	Nguyễn Thị Minh	Thùy	20/04/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.2	Khá	GDTH K22
10	22901050	Sầm Thị Thu	Thùy	09/07/2004	GD Tiểu học	Tày	7.7	Khá	GDTH K22
11	22901051	Hà Lê Hoài	Thương	03/06/2004	GD Tiểu học	Thái	7.0	Khá	GDTH K22
12	22901053	H' Uyên -	Triềk	16/03/2004	GD Tiểu học	Mnông	7.7	Khá	GDTH K22
13	22901054	H'	Tuyết	25/01/2004	GD Tiểu học	Mnông	7.9	Khá	GDTH K22
14	22901019	Liêng Hót Ha	Khâm	05/12/2004	GD Tiểu học	Cil	7.5	Khá	GDTH K22
15	22901020	Y - Run	Knul	07/03/2004	GD Tiểu học	Mnông	7.5	Khá	GDTH K22
16	22901004	Lê Thị Như	Bình	24/07/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.7	Khá	GDTH K22
17	22901008	Lê Thị Thùy	Dung	10/03/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.1	Khá	GDTH K22
18	22901009	Bùi Thị	Duyên	25/03/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.8	Khá	GDTH K22
19	22901016	Giảng Thị	Huyền	10/06/2004	GD Tiểu học	Hmông	7.9	Khá	GDTH K22
20	22901017	Nguyễn Thị Mỹ	Hường	02/01/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.3	Khá	GDTH K22
21	22901022	Ksor H'	Lên	30/09/2004	GD Tiểu học	Jrai	7.2	Khá	GDTH K22
22	22901024	Cao Hà Khánh	Linh	02/03/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.1	Khá	GDTH K22
23	22901027	Nguyễn Thị	Mai	02/04/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.1	Khá	GDTH K22
24	22901029	H Kim	Mlô	10/10/2004	GD Tiểu học	Ê-đê	7.0	Khá	GDTH K22
25	22901030	Ngô Thị Huyền	My	19/10/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.9	Khá	GDTH K22
26	22901034	Lương Thị	Nhung	08/04/2004	GD Tiểu học	Thái	7.5	Khá	GDTH K22
27	22901035	Phạm Hồng	Nhung	15/02/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.4	Khá	GDTH K22
28	22901037	Võ Thị Cẩm	Nhung	14/06/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.3	Khá	GDTH K22
29	22901038	Võ Thị Kim	Như	22/01/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.2	Khá	GDTH K22
30	22901040	H Duin	Niê	14/01/2003	GD Tiểu học	Ê-đê	7.8	Khá	GDTH K22
31	22901042	Siu H'	Phương	23/08/2004	GD Tiểu học	Jrai	7.6	Khá	GDTH K22
32	22901043	Siu H'	Pon	28/07/2003	GD Tiểu học	Jrai	7.1	Khá	GDTH K22
33	22901065	Hiao	Trần	09/10/2004	GD Tiểu học	Gia-rai	7.5	Khá	GDTH K22
34	22901056	Nguyễn Thị Mộng	Vi	16/05/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.9	Khá	GDTH K22
35	22901057	Phạm Thúy	Vy	28/03/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.7	Khá	GDTH K22
36	22901058	Rô	Xi	05/09/2004	GD Tiểu học	Xơ-đăng	7.9	Khá	GDTH K22
37	22901059	Nguyễn Thị Hà	Xuyên	14/02/2004	GD Tiểu học	Kinh	7.2	Khá	GDTH K22
38	22901064	Y	Hạnh	19/04/2004	GD Tiểu học	Xơ-đăng	7.4	Khá	GDTH K22
39	22901045	Kơ Dong	Sêra	24/04/2004	GD Tiểu học	Cil	6.7	Trung bình	GDTH K22
40	22901001	R' Mah H' Lê	A	20/10/2004	GD Tiểu học	Jrai	6.6	Trung bình	GDTH K22
41	22901003	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/12/2003	GD Tiểu học	Kinh	6.3	Trung bình	GDTH K22
42	22901010	Hồ Thị Mỹ	Duyên	27/08/2004	GD Tiểu học	Kinh	6.9	Trung bình	GDTH K22
43	22901011	Lương Thị Thu	Hằng	11/04/2004	GD Tiểu học	Kinh	6.8	Trung bình	GDTH K22
44	22901012	Giang Thị Thanh	Hiền	30/09/2004	GD Tiểu học	Kinh	6.6	Trung bình	GDTH K22
45	22901014	Nguyễn Thị	Huệ	10/10/2004	GD Tiểu học	Kinh	6.5	Trung bình	GDTH K22
46	22901015	Lê Thị Thu	Hương	05/01/2004	GD Tiểu học	Nùng	6.1	Trung bình	GDTH K22
47	22901021	H: Dân	Ksor	29/10/2004	GD Tiểu học	Ê-đê	6.7	Trung bình	GDTH K22
48	22901025	Phan Thùy	Linh	26/09/2004	GD Tiểu học	Kinh	6.9	Trung bình	GDTH K22
49	22901026	Trần Hoàng Thùy	Linh	18/09/2004	GD Tiểu học	Kinh	6.7	Trung bình	GDTH K22
50	22901028	Phạm Thị Trà	Mi	13/11/2004	GD Tiểu học	Kinh	6.8	Trung bình	GDTH K22
51	22901039	H - Diệu	Niê	11/09/2004	GD Tiểu học	Ê-đê	6.4	Trung bình	GDTH K22
52	22901041	H Niêm	Niê	18/04/2004	GD Tiểu học	Ê-đê	6.9	Trung bình	GDTH K22

1	22601033	Mai Nguyễn Trúc	Quỳnh	11/09/2004	SP Ngữ văn	Kinh	8.1	Giỏi	SP Ngữ văn K22
2	22601038	Lành Thị Bảo	Trâm	17/09/2004	SP Ngữ văn	Nùng	8.4	Giỏi	SP Ngữ văn K22
3	22601010	Điêu	Đinh	15/12/2002	SP Ngữ văn	Mnông	7.4	Khá	SP Ngữ văn K22
4	22601011	Hồ Văn	Đức	27/04/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.3	Khá	SP Ngữ văn K22
5	22601034	Y- Hiếu	Teh	09/11/2003	SP Ngữ văn	Mnông	7.0	Khá	SP Ngữ văn K22
6	22601003	Lê Thị Kiều Ngọc	Ánh	22/09/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.0	Khá	SP Ngữ văn K22
7	22601006	Liêng Hót	Dina	19/07/2004	SP Ngữ văn	Cil	7.1	Khá	SP Ngữ văn K22
8	22601007	Nguyễn Thị Thanh	Dung	30/10/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.6	Khá	SP Ngữ văn K22
9	22601008	H'	Duyệt	14/01/2004	SP Ngữ văn	Mnông	7.4	Khá	SP Ngữ văn K22
10	22601012	H - Lim	Êñuôl	20/05/2004	SP Ngữ văn	Ê-đê	7.8	Khá	SP Ngữ văn K22
11	22601013	Trần Phan Hương	Giang	20/09/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.6	Khá	SP Ngữ văn K22
12	22601016	Hoàng Trịnh Yến	Hoa	30/08/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.8	Khá	SP Ngữ văn K22
13	22601017	Phạm Nguyễn Thu	Hoài	31/08/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.0	Khá	SP Ngữ văn K22
14	22601021	H' Sun Chong Niê	Kdăm	10/09/2004	SP Ngữ văn	Ê-đê	7.2	Khá	SP Ngữ văn K22
15	22601022	Nay - H -	Lần	17/02/2004	SP Ngữ văn	Jrai	7.6	Khá	SP Ngữ văn K22
16	22601023	Hoàng Thị Trúc	Li	21/04/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.4	Khá	SP Ngữ văn K22
17	22601025	Nguyễn Thị Phương	Linh	24/12/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.2	Khá	SP Ngữ văn K22
18	22601030	Lương Yến	Nhi	09/03/2002	SP Ngữ văn	Kinh	7.7	Khá	SP Ngữ văn K22
19	22601037	Hà Thị	Thúy	01/03/2004	SP Ngữ văn	Thái	7.6	Khá	SP Ngữ văn K22
20	22601039	Phan Nguyễn Thu	Uyên	18/01/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.4	Khá	SP Ngữ văn K22
21	22601041	Vũ Thị Hồng	Xuong	30/03/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.9	Khá	SP Ngữ văn K22
22	22601042	H Duyn	Yôkrla	08/02/2002	SP Ngữ văn	Mnông	7.6	Khá	SP Ngữ văn K22
23	22601046	Đàm Như	Ngọc	29/06/2004	SP Ngữ văn	Nùng	7.3	Khá	SP Ngữ văn K22
24	22601049	Nguyễn Trần Thúy	Quyên	05/12/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.4	Khá	SP Ngữ văn K22
25	22601050	Lương Thị Minh	Thư	17/01/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.3	Khá	SP Ngữ văn K22
26	22601052	Trịnh Thục	Vi	08/02/2004	SP Ngữ văn	Kinh	7.9	Khá	SP Ngữ văn K22
27	22601009	Nguyễn Đăng	Dũng	21/07/2003	SP Ngữ văn	Kinh	6.4	Trung bình	SP Ngữ văn K22
28	22601014	Chu Thị Thu	Hà	19/01/2004	SP Ngữ văn	Kinh	6.8	Trung bình	SP Ngữ văn K22
29	22601015	Trương Thị	Hiền	10/04/2004	SP Ngữ văn	Kinh	6.3	Trung bình	SP Ngữ văn K22
30	22601019	Thạch Thị Quê	Hương	04/04/2004	SP Ngữ văn	Chăm	6.2	Trung bình	SP Ngữ văn K22
31	22601028	H' Diệu	Mlô	25/10/2004	SP Ngữ văn	Ê-đê	6.4	Trung bình	SP Ngữ văn K22
32	22601040	Chung Thế	Vinh	14/10/2004	SP Ngữ văn	Hoa	6.8	Trung bình	SP Ngữ văn K22
33	22601043	Triệu Thị	Hà	20/04/2003	SP Ngữ văn	Nùng	6.7	Trung bình	SP Ngữ văn K22
34	22601045	H Ngắc	Mlô	19/06/2004	SP Ngữ văn	Ê-đê	6.7	Trung bình	SP Ngữ văn K22
35	22601047	Ksor H'	Nguyệt	26/10/2003	SP Ngữ văn	Ê-đê	6.7	Trung bình	SP Ngữ văn K22
36	21403295	Mai Thanh	Xuân	04/01/2003	SP Ngữ văn	Kinh	6.5	Trung bình	SP Ngữ văn K22
1	22607022	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	27/02/1998	Văn học	Kinh	8.2	Giỏi	Văn học K22
2	22607013	Lê Thị Minh	Hiếu	01/07/2003	Văn học	Kinh	7.6	Khá	Văn học K22
3	22607020	Đỗ Huyền Diệu	Na	28/01/2004	Văn học	Kinh	7.7	Khá	Văn học K22
4	22607037	Nguyễn Thảo Lam	Anh	13/11/2002	Văn học	Kinh	7.1	Khá	Văn học K22
5	22607041	H Kuc	Êban	17/03/2003	Văn học	Ê-đê	7.2	Khá	Văn học K22
6	22607044	Cù Thị	Lành	07/01/2004	Văn học	Kinh	7.4	Khá	Văn học K22
7	22607045	H' Trúc	Mlô	19/07/2004	Văn học	Ê-đê	7.4	Khá	Văn học K22
8	22607052	Nguyễn Thị Kiều Ngọc	Oanh	31/08/2004	Văn học	Kinh	7.7	Khá	Văn học K22
9	22607053	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	27/10/2004	Văn học	Kinh	7.4	Khá	Văn học K22
10	22607002	Nguyễn Mỹ Thùy	An	31/08/2004	Văn học	Kinh	5.9	Trung bình	Văn học K22
11	22607005	Lê Thị Ngọc	Ánh	19/09/2004	Văn học	Kinh	6.8	Trung bình	Văn học K22
12	22607018	Mai Thị Thảo	Liên	19/05/2004	Văn học	Kinh	6.1	Trung bình	Văn học K22
13	22607021	Hoàng Thanh	Ngân	22/12/2003	Văn học	Kinh	6.5	Trung bình	Văn học K22
14	22607026	H Phương	Niê	02/09/2004	Văn học	Ê-đê	6.8	Trung bình	Văn học K22
15	22607032	Nguyễn Thị Hoài	Trang	03/06/2004	Văn học	Kinh	6.8	Trung bình	Văn học K22
16	22607034	Nguyễn Thị Thu	Uyên	05/01/2004	Văn học	Kinh	6.0	Trung bình	Văn học K22
17	22607057	K' Thị	Úc	12/01/2004	Văn học	Cơ-ho	6.9	Trung bình	Văn học K22
18	22607058	Võ Thị Huyền	Vi	04/12/2004	Văn học	Kinh	6.4	Trung bình	Văn học K22
19	22607059	Thị Mi	Xa	12/10/2003	Văn học	Mnông	6.7	Trung bình	Văn học K22
1	14307015	Trần Vũ Nam Tuấn	Anh	01/02/1993	Y khoa	Kinh	6.9	Trung bình	YK14A1